

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết
Khu đô thị mới Khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/500**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện kết quả kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn năm 2017-2021 của tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 4913/BCTĐ-SXD ngày 27/12/2022; tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 39/VP-XD ngày 06/01/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/500 với những nội dung chính như sau:

1. Lý do và mục tiêu của đồ án quy hoạch

1.1. Lý do lập đồ án quy hoạch:

Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị thị mới Khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 440/QĐ-UBND ngày 08/03/2021. Theo Thông báo số 470/TB-KTNN ngày 02/8/2022 của Kiểm toán Nhà nước, công tác lập, thẩm định và phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị thị mới Khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/500 cần điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về quy hoạch sử dụng đất cho phù hợp với quy định hiện hành; do đó, chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định.

1.2. Mục tiêu đồ án quy hoạch:

- Phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cà Mau nói riêng, tỉnh Cà Mau nói chung; cụ thể hóa Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Cà Mau đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Đầu tư xây dựng khu đô thị văn minh - hiện đại, đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các hạng mục khác theo quy hoạch cấp trên được phê duyệt; bổ sung những chức năng cần thiết để góp phần phát triển đô thị bền vững.

- Đảm bảo kết nối với đồ án quy hoạch và dự án đầu tư của các khu dân cư lân cận.

2. Vị trí, ranh giới và diện tích khu quy hoạch

2.1. Vị trí: Khóm 5, Phường 1 thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2.2. Ranh giới:

- Phía Đông Bắc: Giáp khu dân cư hiện trạng đường Ngô Quyền.

- Phía Tây Nam: Giáp khu dân cư hiện trạng đường Lý Văn Lâm.

- Phía Tây Bắc: Giáp kênh Thống Nhất.

- Phía Đông Nam: Giáp đường Vành đai 1 (Tạ Uyên nối dài).

2.3. Diện tích: 22,98 ha.

3. Chức năng: Là khu dân cư đô thị mới văn minh, hiện đại với đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tương đương 1 đơn vị ở tại đô thị.

4. Các chỉ tiêu cơ bản của đồ án quy hoạch

4.1. Dự báo về dân số:

Khu đô thị mới Khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau là đô thị loại II, định mức 15-28 m²/người. Dự báo dân số 8.200 người để tính toán các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật theo đề nghị của Kiểm toán nhà nước, đảm bảo theo đúng quy định.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất:

Áp dụng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch sử dụng đất gồm các loại đất: Đất công trình công cộng - dịch vụ đô thị (đất giáo dục, đất y tế, đất công trình thương mại, đất công trình văn hóa - thể dục thể thao), đất cây xanh công cộng, đất giao thông, đất nhà ở (nhà ở liên kế, nhà biệt thự và nhà ở xã hội); trong đó, đất nhà ở xã hội tính bằng 20% đất ở toàn khu quy hoạch

4.3. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng xã hội:

Áp dụng Quy chuẩn quy hoạch QCVN 01: 2021/BXD của Bộ Xây dựng.

Loại công trình	Cấp quản lý	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất đai tối thiểu	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1. Giáo dục					
a. Trường mẫu giáo	Đơn vị ở	chỗ/1000 người	50	m ² /1 chỗ	12
b. Trường tiểu học	Đơn vị ở	chỗ/1000 người	65	m ² /1 chỗ	10
c. Trường trung học CS	Đơn vị ở	chỗ/1000 người	55	m ² /1 chỗ	10
2. Y tế					
a. Trạm y tế	Đơn vị ở	Trạm	1	m ² / trạm	500
3. Văn hóa-Thể dục thể thao					
a. Sân chơi	Đơn vị ở			m ² /người	0,5
b. Sân luyện tập	Đơn vị ở			m ² /người ha/công trình	0,5 0,3
c. Trung tâm VH - TT	Đơn vị ở	công trình	1	m ² /công trình	5.000
5. Công trình thương mại					
a. Chợ (trung tâm TM, cửa hàng tiện lợi)	Đơn vị ở	công trình	1	m ² /công trình	2.000

4.4. Chỉ tiêu về công trình hạ tầng kỹ thuật:

Áp dụng Quy chuẩn quy hoạch QCVN 01: 2021/BXD của Bộ Xây dựng, bảng định mức áp dụng:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo QCVN
1	Cấp nước		
	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	Lít/người/ngày đêm	≥80
	Công trình công cộng, dịch vụ	% cấp nước sinh hoạt	≥10
	Nước tưới cây, rửa đường	% cấp nước sinh hoạt	≥8
	Nước dự phòng, rò rỉ	% tổng công suất	≤15
2	Nước phục vụ PCCC	Theo đám cháy (lít)	35 lít/s
3	Thoát nước thải	% cấp nước sinh hoạt	80
4	Thu gom rác thải	Kg/người/ngày	1,0
5	Cấp điện		
	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/người/năm	750-1.500
	Cấp điện công trình công cộng	% điện sinh hoạt	35
	Chiếu sáng	KW/ha	7-15
	Công viên, vườn hoa	KW/ha	10-12

5. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

Gồm các khu chức năng như sau:

- Đất nhà ở gồm: Nhà ở liền kề, nhà ở hỗn hợp, nhà ở biệt thự và nhà ở xã hội.
- Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng gồm: Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao, trường học, công trình y tế, công trình thương mại - dịch vụ...
- Đất cây xanh - mặt nước.
- Đất hệ thống giao thông, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật.

Bảng quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

TT	Loại đất	DT phê duyệt năm 2021 (ha)	DT điều chỉnh QH (ha)	Chênh lệch (+) tăng, (-) giảm	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3=2-1	4
I	Đất thuộc đơn vị ở	21,844	22,035	0,191	95,9
1	Đất công trình công cộng	2,579	3,206	0,627	14,0
2	Đất cây xanh - mặt nước	1,714	1,642	-0,071	7,1
3	Đất nhà ở	10,611	10,007	-0,603	43,6
4	Đất hỗn hợp (không phải nhà ở)	0,233	0,000	-0,233	0,0
5	Đất giao thông - bãi xe	6,544	7,020	0,476	30,6
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,163	0,159	-0,005	0,7
II	Đất giao thông ngoài đơn vị ở	1,134	0,943	-0,191	4,1
	Tổng cộng	22,978	22,978	0,000	

6. Các chỉ tiêu quy hoạch đối với từng ô phố

6.1. Đối với nhà ở:

TT	Loại nhà ở	Ký hiệu	Tổng số lô	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ
1	Đất nhà ở liền kề kết hợp TMDV	OSH	177	20.634	90	5	4,50
2	Đất nhà ở liền kề	OLK	233	21.914	90	5	4,50
3	Đất nhà ở biệt thự	OBT	122	31.233	50	4	2,00
4	Đất nhà ở xã hội	OXH	1.241	20.512	57	10	5,70
5	Đất nhà ở hỗn hợp	OHH	279	5.781	58	15	8,70
	Tổng cộng		2.052	100.074			

Tỷ lệ đất nhà ở xã hội chiếm 20,50% trên tổng số đất nhà ở. Mật độ xây dựng tuân đối với nhà ở riêng lẻ theo diện tích lô đất và quy định tại Bảng 2.8 QCVN 01:2021. Tầng hầm tối đa đối với công trình nhà ở không quá 1 tầng.

6.2. Công trình công cộng:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ
1	Đất chợ - thương mại dịch vụ	CC.01	2.000	40	5	2.0
2	Đất TT văn hoá - TDTT - Y tế	CC.02	5.557	40	5	2.0
3	Đất giáo dục	GD	14.788	40	3	1.2

4	Đất sân chơi	SC	5.607	5	1	0,5
5	Đất sân tập luyện	SLT	4.110	5	1	0,5
	Tổng cộng		32.062			

6.3. Đất cây xanh - mặt nước:

Tổng diện tích đất cây xanh và mặt nước cảnh quan trong khu vực là 16.424m², được xây dựng tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%.

7. Quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

7.1. Quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức các lối tiếp cận vào khu nhà ở từ các trục đường phân khu quanh khu vực, nhằm hạn chế xung đột giao thông với hệ thống đường trục chính của đô thị.

- Khu vực tiếp giáp đường Tạ Uyên nổi dài (phía Đông Nam) bố trí công trình hỗn hợp có chức năng ở và thương mại dịch vụ; công trình hỗn hợp với các khối nhà cao tầng phù hợp với cảnh quan trục đường chính.

- Các lô nhà ở liền kề bố trí bên trong khuôn viên khu đất, tiếp giáp với các khu ở hiện hữu đảm bảo yên tĩnh phù hợp với không gian sống.

- Bố trí công viên giữa các cụm nhà ở tạo không gian mở, không gian sinh hoạt cho người dân trong khu ở.

7.2. Thiết kế đô thị:

Thiết kế đô thị gồm các nội dung:

- Xác định các công trình điểm nhấn.
- Xác định các khu vực đặc trưng cần kiểm soát.
- Xác định chiều cao xây dựng công trình.
- Xác định hình khối kiến trúc, màu sắc chủ đạo của công trình kiến trúc.
- Hệ thống cây xanh mặt nước.
- Tiện ích đô thị.

Được quy định chi tiết trong hồ sơ thiết kế đô thị và Quy định quản lý xây dựng theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị

8.1. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:

a) Quy hoạch cao độ nền: Quy hoạch cao độ nền theo quy hoạch phân khu đến độ cao Hxd = + 1,71m hệ độ cao Quốc gia (Hòn Dấu - Hải Phòng). Vật liệu san nền là đất đào đắp và cát san lấp.

b) Thoát nước mặt: Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa tự chảy, được thu gom thông qua hệ thống cống đặt dưới vỉa hè hoặc lòng đường và thoát ra kênh cảnh quan trung tâm, kênh Thống Nhất.

8.2. Hệ thống giao thông:

- Hệ thống giao thông Khu đô thị mới Khóm 5, Phường 1 đầu nối ra đường trục chính đô thị là đường Ngô Quyền (lộ giới 40m), đường Tạ Uyên nổi dài đường (Vành

đai 1); đường khu vực là đường Lý Văn Lâm và đường Lương Thế Vinh; trong đó, đường Tạ Uyên nối dài thuộc phạm vi đồ án quy hoạch (1/2 đường).

Bảng thống kê hệ thống giao thông

TT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Chiều rộng đường (m)		
					Mặt đường	Via hè	Dải phân cách
A	Đường đô thị		560				
	Đường Tạ Uyên	1-1	320	49	2x10+2x5,25	2x6,75	2+2x1,5
		2-2	240	40	2x12,25	2x6,75	2
B	Đường nội bộ		4.323				
1	Đường D2	6-6	239	16	9	2x3,5	-
2	Đường D3	4-4	39	17÷17,5	9	4,0+(4,0÷4,5)	-
3	Đường D4	6-6	90	16	9	2x3,5	-
4	Đường D5	4-4	59	17÷17,5	9	4,0+(4,0÷4,5)	-
5	Đường N1	6-6	108	16	9	2x3,5	-
6	Đường N2	6-6	108	16	9	2x3,5	-
7	Đường R1	4-4	1078	17÷17,5	9	4,0+(4,0÷4,5)	-
8	Đường R2	5A-5A	575	13	7	2x3,0	-
9	Đường R3	6A-6A	170	16	8	2x4,0	-
10	Đường D6	5-5	302	13	7	2x3,0	-
11	Đường X1	3-3	145	22	12	2x4,0	2
12	Đường X2	6-6	65	16	9	2x3,5	-
13	Đường X4	5-5	80	13	7	2x3,0	-
14	Đường N3	6-6	569	16	9	2x3,5	-
15	Đường X3	5-5	100	13	7	2x3,0	-
16	Đường D1	5-5	596	13	7	2x3,0	-
	Tổng		4.883				

8.3. Hệ thống cấp nước sạch:

Nguồn cấp nước: Từ nguồn nước sạch của thành phố Cà Mau cung cấp từ Nhà máy nước số 2, tuyến ống phân phối trên đường Ngô Quyền.

Nhu cầu cấp nước: Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, nước tưới cây, rửa đường và nước chữa cháy của khu vực là 2.250 m³/ngày đêm.

Mạng lưới cấp nước: Quy hoạch theo sơ đồ mạch vòng kết hợp nhánh cụt. Đặt ngầm dưới các vỉa hè, lòng đường. Đường ống sử dụng ống HDPE đường kính từ D63mm đến D160mm. Trụ cứu hỏa được bố trí trên vỉa hè các tuyến đường. Khoảng cách giữa 2 trụ không quá 150m.

8.4. Hệ thống thoát nước thải và quản lý CTR

a) Thoát nước thải:

Lưu lượng nước thải khoảng 1.550 m³/ngày đêm. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước thải sử dụng ống nhựa HDPE đường kính D300mm-D400mm, bố trí các hố ga kiểm tra và nạo vét đường ống với cự ly trung bình khoảng 25-40m trên mạng lưới. Xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ cho khu quy hoạch tại khu đất phía Tây Bắc. Công suất trạm xử lý nước thải dự kiến khoảng 1.550 m³/ngày đêm (có thể chia thành các modul phụ thuộc vào nguồn tiếp nhận nước thải).

b. Quản lý chất thải rắn (CTR):

Tổng khối lượng CTR khoảng 9,44 tấn/ngày đêm. Giải pháp thu gom về vị trí tập trung để các xe chuyên dụng chuyên chở về nhà máy xử lý rác của thành phố hằng ngày theo thời gian quy định.

8.5. Hệ thống cấp điện:

Phụ tải điện khu quy hoạch khoảng 14.240 KVA.

Nguồn điện từ đường dây tuyến 22kV từ trạm 110kV Cà Mau trên đường Ngô Quyền. Các tuyến cấp điện được đặt ngầm trên vỉa hè, đảm bảo an toàn. Quy hoạch 14 trạm biến áp công suất trạm 160-2500kVA/22/0,4kV để cung cấp điện cho khu quy hoạch.

- Lưới điện trung thế: Tuyến trung thế 22kV đi ngầm được thiết kế 02 sợi cáp vện hành song song, sử dụng dây dẫn: CXV/Se/DSTA/PVC-24kV được luồn trong ống xoắn chịu lực HDPE.

- Đường dây hạ thế: Sử dụng cáp ngầm (3P+1N)-0,4KV, luồn trong ống xoắn HDPE chịu lực, chôn trong đất; bố trí các tủ phân phối điện để đấu nối cấp điện từ lưới điện ngoài nhà vào các hộ tiêu thụ điện.

- Chiếu sáng công cộng: Toàn khu quy hoạch sử dụng 2 tủ điều khiển chiếu sáng. Sử dụng đèn led, công suất phù hợp; tuyến cấp điện chiếu sáng Sử dụng cáp đồng bọc XLPE/PVC 0,6/1KV luồn trong ống nhựa xoắn HDPE chôn trong đất.

8.6. Hệ thống hạ tầng viễn thông:

Nhu cầu về hệ thống hạ tầng viễn thông là 4.146 thuê bao.

Nguồn cung cấp hệ thống Internet - cáp truyền hình được phát triển từ hệ thống cáp viễn thông của khu vực trên tuyến Ngô Quyền và được đấu nối vào khu quy hoạch. Hệ thống cáp thông tin được đặt ngầm trên vỉa hè.

9. Quy hoạch phòng cháy và chữa cháy

9.1. Cơ sở pháp lý:

Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy “Luật số 40/2013/QH13” ngày 22/11/2013; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Quy chuẩn

QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

9.2. Giải pháp về quy hoạch kiến trúc:

Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa các dãy nhà ở, công trình công cộng theo bảng sau:

Bậc chịu lửa của nhà thứ nhất	Khoảng cách đến nhà thứ hai có bậc chịu lửa (m)		
	I, II	III	IV, V
I, II	6	8	10
III	8	8	10
IV, V	10	10	15

9.3. Giải pháp về tổ chức giao thông: Hệ thống giao thông khu vực quy hoạch có bề rộng lòng đường tối thiểu 7,0m đảm bảo xe chữa cháy lưu thông 2 chiều. Quy hoạch bãi xe và quỹ đất xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy theo quy định tại điều 2.6.13 QCVN 01:2021/BXD; ưu tiên bố trí gần nguồn cấp nước chữa cháy.

9.4. Giải pháp về hệ thống cấp nước chữa cháy: Nguồn cấp nước chữa cháy lấy chung nguồn nước máy cấp nước sinh hoạt từ trạm cấp nước xây mới trong khu quy hoạch; ngoài ra tổ chức bên lấy nước chữa cháy tại một số điểm tại kênh Thống Nhất.

9.5. Giải pháp về hệ thống thông tin báo cháy: Gồm các giải pháp về nguồn tín hiệu, nguyên tắc vận hành hệ thống thông tin báo cháy, bố trí đường dây tín hiệu, trung tâm báo cháy.

10. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

Các vấn đề đặt ra trong đồ án quy hoạch: Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình triển khai dự án; giải quyết thoát nước mưa và thoát nước thải; giải quyết thu gom rác thải sinh hoạt.

Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường: Sau khi dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng sẽ không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Trong hoạt động của đô thị, phương tiện giao thông và sinh hoạt của cộng đồng dân cư sẽ gây tiếng ồn, khói bụi... nên cần có giải pháp giảm thiểu môi trường, phù hợp với điều kiện và mang lại hiệu quả. Bố trí các điểm quan trắc độ ô nhiễm không khí, nguồn nước...

11. Những hạng mục ưu tiên đầu tư

Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trước khi thực hiện các công trình nhà ở theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Công ty TNHH T&T Land Cà Mau chịu trách nhiệm kết hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau, Ủy ban nhân dân thành phố Phường 1 thực hiện các công tác sau đây:

1. Công bố các nội dung chính của đề án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết cho nhân dân và các tổ chức có liên quan trong khu vực quy hoạch để biết và thực hiện.
2. Tổ chức cắm mốc giới quy hoạch ra thực địa theo quy định hiện hành.
3. Quản lý công tác đầu tư xây dựng theo *Quy định quản lý xây dựng theo Đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/500* ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 1, Giám đốc Công ty TNHH T&T Land Cà Mau và Thủ trưởng các ban, ngành chức năng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 08/03/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi